

Bản án số: **08/2023/HNGĐ-ST**
Ngày 20 tháng 02 năm 2023
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa Phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Huyền;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hảo;

Bà Nguyễn Thị Phẩm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Vân - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 166/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2022 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vũ Thị H, sinh năm 1996; ĐKKHKT: Khu 3, xã Y, huyện T, tỉnh Phú Thọ; hiện đang ở tại: Tầng 4, số 185, khu 2, đường H, quận C, thành phố V, Đ. *Người được chị H ủy quyền nộp đơn khởi kiện, nộp tạm ứng án phí, các chi phí tố tụng và nhận các văn bản tố tụng của Tòa án:* Chị Vũ Thị C và anh Phạm Tiến Hu địa chỉ: Số 32 Q, phường T, quận G, thành phố H

Bị đơn: Anh Nguyễn Cao C, sinh năm 1993; ĐKKHKT: Khu 3, xã Y, huyện T, tỉnh Phú Thọ; hiện đang ở Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị Kim L, sinh năm 1966 (Là mẹ đẻ anh C); địa chỉ: Khu 3, xã Y, huyện T, tỉnh Phú Thọ

(Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Vũ Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Cao C đăng ký kết hôn ngày 18/7/2013 tại UBND xã Y, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Năm 2015 anh C qua Đ sinh sống và làm việc; đến năm 2016 chị cũng qua Đ cùng chồng làm ăn, sinh sống, vợ chồng đoàn tụ sau thời gian dài xa cách; tuy nhiên đây cũng là thời điểm vợ chồng bắt đầu phát sinh

mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, lối sống dẫn đến sự cãi vã, vợ chồng không có sự tin tưởng lẫn nhau, cuộc sống vợ chồng không có sự hòa hợp, hạnh phúc. Vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn, hòa giải nhưng hai bên vẫn không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn đỉnh điểm vào khoảng năm 2017 và vợ chồng đã ly thân từ đó cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Cao C.

Về con chung: Chị Vũ Thị H xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Kiều T, sinh ngày 13/7/2014. Hiện nay cháu T đang ở cùng bà nội là bà Lê Thị Kim L, sinh năm 1966 (Là mẹ đẻ anh C); địa chỉ: Khu 3, xã Y, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Khi ly hôn chị và anh C thống nhất thỏa thuận: Giao cháu Nguyễn Thị Kiều T cho anh Nguyễn Cao C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Do hiện nay anh C đang ở nước ngoài, nên chị và anh C thống nhất tạm giao cháu T cho bà nội cháu là bà Lê Thị Kim L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh C trở về Việt Nam đón cháu T. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh C không yêu cầu.

Về tài sản chung: Chị và anh C tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ, công sức đóng góp: Chị xác định vợ chồng không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn: Chị Vũ Thị H tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Chị H yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Bị đơn anh Nguyễn Cao C trình bày quan điểm tại bản tự khai đề ngày 07/01/2023: Anh và chị Vũ Thị H đăng ký kết hôn ngày 18/7/2013 tại UBND xã Y, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Năm 2015 anh qua Đ sinh sống và làm việc; đến năm 2016 chị H cũng qua Đ cùng chồng làm ăn, sinh sống, vợ chồng đoàn tụ sau thời gian dài xa cách; tuy nhiên đây cũng là thời điểm vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, lối sống dẫn đến sự cãi vã, vợ chồng không có sự tin tưởng lẫn nhau, cuộc sống vợ chồng không có sự hòa hợp, hạnh phúc. Vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn, hòa giải nhưng hai bên vẫn không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn đỉnh điểm vào khoảng năm 2017 và vợ chồng đã ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị H đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết cho chị được ly hôn với anh, quan điểm của anh là đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Kiều T, sinh ngày 13/7/2014. Hiện nay cháu T đang ở cùng bà nội là bà Lê Thị Kim L, sinh năm 1966 (Là mẹ đẻ của anh); địa chỉ: Khu 3, xã Y, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Khi ly hôn anh và chị H thống nhất thỏa thuận: Giao cháu Nguyễn Thị Kiều T cho anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Do hiện nay anh đang

ở nước ngoài, nên chị H và anh thống nhất tạm giao cháu T cho bà nội cháu là bà Lê Thị Kim L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh trở về Việt Nam đón cháu T. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh không yêu cầu chị H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung: Anh và chị H tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải

Về công nợ, công sức đóng góp: Anh xác định vợ chồng không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Anh đề nghị bà L sẽ nhận thay, có trách nhiệm thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh; đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án ly hôn và giải quyết, xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Kim L trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh Nguyễn Cao C. Về việc vợ chồng chị H, anh C ly hôn, bà cũng xác định anh chị không còn tình cảm và đã sống ly thân thời gian dài, do vậy bà đề nghị Tòa án giải quyết cho anh C chị H được ly hôn để hai bên sớm ổn định cuộc sống mới. Quá trình chung sống anh C và chị H có một con chung là Nguyễn Thị Kiều T, sinh ngày 13/7/2014. Hiện nay cháu T đang ở cùng bà, do bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị H và anh C thống nhất thỏa thuận: Giao cháu Nguyễn Thị Kiều T cho anh Nguyễn Cao C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do hiện nay anh C đang ở nước ngoài, nên chị H và anh C thống nhất tạm giao cháu T cho bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh C trở về Việt Nam đón cháu T. Đồng thời anh C có ủy quyền cho bà nhận các văn bản tố tụng, bản án của Tòa án. Quan điểm của bà là nhất trí với các đề nghị trên của anh C. Bà đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Vũ Thị H và anh Nguyễn Cao C. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Kiều T, sinh ngày 13/7/2014 cho anh Nguyễn Cao C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung thành niên. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh C do anh C không yêu cầu. Trong thời gian anh C chưa về nước giao cháu T cho mẹ đẻ anh C (Tức bà nội của cháu T) là bà Lê Thị Kim L, sinh năm 1966, địa chỉ: Khu 3, xã Y, huyện T, tỉnh Phú Thọ sẽ thay anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T cho đến khi anh C về nước đón cháu T. Về tài sản chung: Chị H và anh C tự thỏa thuận, do vậy không đặt ra giải quyết. Về công nợ, công sức: Chị H và anh C xác định không nợ ai, không cho ai nợ, không có công sức đóng góp gì, vì vậy không xem xét giải quyết. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Vũ Thị H tự nguyện chịu toàn bộ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Vũ Thị H khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Cao C là quan hệ “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Trong hồ sơ thể hiện, hiện nay chị Vũ Thị H và anh Nguyễn Cao C đang sinh sống và làm việc tại Đ (Trung Quốc). Đơn xin ly hôn, bản tự khai và đơn xin giải quyết vắng mặt của chị H đều có chứng thực của Văn phòng kinh tế văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc. Do đó căn cứ khoản 3 Điều 35, Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ thụ lý và giải quyết, xét xử vụ án là đúng thẩm quyền. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện chị Vũ Thị H và anh Nguyễn Cao C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện T, tỉnh Phú Thọ vào ngày 18/7/2013. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận. Do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, lối sống, không có tiếng nói chung dẫn đến hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H và anh C đều thống nhất thuận tình ly hôn. Do vậy Tòa án xem xét công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Vũ Thị H và anh Nguyễn Cao C.

Hiện nay, chị Vũ Thị H và anh Nguyễn Cao C đều đang sinh sống và làm việc tại Đ. Các văn bản chị H giao nộp cho Tòa án đều có chứng thực của Văn phòng kinh tế văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc. Đối với bản tự khai thể hiện quan điểm về vụ án ly hôn của anh C gửi từ Đ về không được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định tại Điều 124 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Phú Thọ giám định chữ ký, chữ viết của anh C. Căn cứ kết quả giám định của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Phú Thọ (BL 42) đã kết luận: Chữ ký dạng chữ viết “C” và các chữ “Nguyễn Cao C” dưới mục “Người khai” trên “bản tự khai” ngày 07/01/2023 (Tài liệu cần giám định ký hiệu A) so với chữ ký dạng chữ viết “C” và các chữ “Nguyễn Cao C” trên “Giấy chứng nhận kết hôn” ngày 18/7/2023 (Tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M) là do cùng 1 người ký và viết ra. Từ đó đủ cơ sở khẳng định việc anh Nguyễn Cao C và chị Vũ Thị H thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện.

[2.2]. Về con chung: Chị H và anh C đều thống nhất xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Kiều T, sinh ngày 13/7/2014. Khi ly hôn chị H và anh C đều thống nhất thỏa thuận anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi thành niên. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh C do anh C không yêu cầu. Trong thời gian anh C chưa về nước giao

cháu T cho mẹ đẻ anh C (Tức bà nội của cháu) là bà Lê Thị Kim L, sinh năm 1966 , địa chỉ: Khu 3, xã Y, huyện T, tỉnh Phú Thọ sẽ thay anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T cho đến khi anh C về nước đón cháu T. Hơn nữa nguyện vọng của cháu T là xin được ở cùng bố và bà nội. Xét thấy việc thỏa thuận nuôi con chung của chị H và anh C, bà L là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được ghi nhận.

[2.3]. Về tài sản chung: Chị H và anh C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy không đặt ra giải quyết.

[2.4]. Về công nợ và về công sức đóng góp: Chị H và anh C đều xác nhận không có. Vì vậy Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2.5]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H tự nguyện chịu toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[3]. Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 55; Điều 81, Điều 82, Điều 83; Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; Điều 37; khoản 4 Điều 147 ; khoản 1 Điều 228; khoản 3 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa, Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Vũ Thị H và anh Nguyễn Cao C.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Vũ Thị H và anh Nguyễn Cao C: Giao cháu Nguyễn Thị Kiều T, sinh ngày 13/7/2014 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung thành niên. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh C do anh C không yêu cầu. Trong thời gian anh C chưa về nước giao cháu T cho mẹ đẻ anh C (Tức bà nội của cháu T) là bà Lê Thị Kim L, sinh năm 1966 , địa chỉ: Khu 3, xã Y, huyện T, tỉnh Phú Thọ sẽ thay anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T cho đến khi anh C về nước đón cháu.

Không ai có quyền cản trở quyền gặp gỡ và thăm nom con chung.

3. Về tài sản chung: Chị H và anh C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy không đặt ra giải quyết.

4. Về công nợ, công sức đóng góp: Chị H và anh C thống nhất xác định không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

5. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Vũ Thị H tự nguyện chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị H đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0000255 ngày 08/12/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại Việt Nam có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ khi nhận được Bản án để đề nghị Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm. Đương sự cư trú ở nước ngoài có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã Y – H. T;
- Các đương sự;
- Lưu: HS- AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Thu Huyền